

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19-11-2021.

V/v ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thanh Hải.

Bà Hà Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hương Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993.

Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm P.L, xã V.H, huyện Đ.H, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Xóm P.L, xã V.H, huyện Đ.H, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Hàn Quốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và Anh Nguyễn Tuấn A kết hôn tháng 4 năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V.H, huyện Đ.H, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Có được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Sau một thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo Chị L là do giữa vợ chồng không có tiếng nói chung. Đến năm 2017 Anh Nguyễn Tuấn A đi làm việc ở nước ngoài, hết thời hạn hợp đồng lao động anh Tuấn A đã bỏ ra ngoài sinh sống, không về nước và cũng không cho chị biết địa chỉ của anh Tuấn A ở nước ngoài để chị cung cấp cho Tòa án. Vợ chồng không còn quan tâm với nhau, tình cảm vợ chồng lại càng lạnh nhạt hơn. Chị nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc và cả hai không có ý thức vun vén hạnh phúc gia đình, không còn yêu thương nhau nữa. Nay Chị L xác định tình cảm vợ chồng

không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Nguyễn Tuấn A để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên là Nguyễn K, sinh ngày 07/10/2016. Hiện cháu K đang ở cùng Chị L, khi ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu Anh Nguyễn Tuấn A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 13/10/2021 và ngày 27/10/2021 giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị S là bố, mẹ đẻ của Anh Nguyễn Tuấn A, địa chỉ: Xóm P.L, xã V.H, huyện Đ.H, tỉnh Thái Nguyên xác định: Sau khi nhận các văn bản của Tòa án, ông, bà có thông tin qua điện thoại cho anh Tuấn A được biết việc Chị L đang yêu cầu xin ly hôn với anh, Anh Nguyễn Tuấn A có trao đổi lại: “Anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn, hiện Chị L xin ly hôn anh nhất trí. Về con chung như Chị L đã khai là đúng. Khi ly hôn Chị L có nguyện vọng nuôi con anh nhất trí. Nhưng trong trường hợp Chị L không đảm bảo quyền lợi cho con chung, anh Tuấn A và gia đình anh có mong muốn được đón cháu về chăm sóc để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu. Phía gia đình anh Tuấn A cũng có ý kiến được đưa đón, thăm gặp cháu K nhưng Chị L và gia đình Chị L nhiều lần gây khó khăn trong việc liên lạc và thăm gặp cháu; Về cấp dưỡng, do Chị L không yêu cầu và anh cũng không ở Việt nam để thực hiện được nghĩa vụ cấp dưỡng nên anh cũng nhất trí với ý kiến của Chị L; Về tài sản chung, nợ chung: không có, anh không đề nghị giải quyết. Hiện anh đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 6337/CAT(PA01/XNC) ngày 23/7/2021 của Công an tỉnh Thái Nguyên xác định Anh Nguyễn Tuấn A đã xuất cảnh nhiều lần, lần gần nhất là ngày 11/10/2017 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị L chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của anh Tuấn A ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh Tuấn A ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của anh Tuấn A là ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị S, có đủ căn cứ xác định anh Tuấn A vẫn liên hệ với ông nhưng ông cũng không cung cấp được địa chỉ của anh Tuấn A và anh Tuấn A cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng ông Đ, bà S cũng vẫn không cung cấp địa chỉ của anh Tuấn A ở nước ngoài. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa Anh Nguyễn Tuấn A và Chị Nguyễn Thị L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V.H, huyện Đ.H, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo Chị L trình bày: Do giữa vợ chồng chị không còn tiếng nói chung. Đến năm 2017 anh Tuấn A đi làm việc ở nước ngoài, sau đó ra ngoài sinh sống không cho chị biết địa chỉ. Nay Chị L xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và Anh Nguyễn Tuấn A không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Nguyễn Tuấn A. Phía bị đơn anh Tuấn A, mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước (bố, mẹ đẻ anh Tuấn A), anh cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, Chị L xin ly hôn anh nhất trí. Như vậy, có căn cứ cho thấy giữa Chị L và anh Tuấn A đã không còn tình cảm vợ chồng, sự quan tâm và thương yêu nhau không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, Anh Nguyễn Tuấn A và Chị Nguyễn Thị L đều nhất trí xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị L, cho Chị L được ly hôn anh Tuấn A là phù hợp với thực tế theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và Anh Nguyễn Tuấn A có 01 con chung là Nguyễn K, sinh ngày 07/10/2016, hiện nay cháu K đang ở cùng Chị L, Anh Nguyễn Tuấn A hiện nay đang ở nước ngoài. Do vậy, để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin trực tiếp chăm sóc con chung của Chị L. Giao con chung là Nguyễn K cho Chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và đảm bảo đúng quy định tại Điều 81;82; 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu cấp dưỡng anh Tuấn A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, anh Tuấn A nhất trí nên Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Tuấn A vì Chị L không yêu cầu.

Anh Tuấn A có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định không yêu cầu giải quyết. Phía anh Tuấn A không có lời khai bằng văn bản, thể hiện ý kiến, quan điểm của mình nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3] Án phí: Chị L phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị L, cho Chị L được ly hôn với anh Tuấn A; Giao cháu Nguyễn K, sinh năm 2016 cho Chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm

hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Tuấn A vì Chị L không yêu cầu; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; 37 khoản 2 Điều 38; Điều 147; Điều 207; Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 và Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Chị Nguyễn Thị L đối với Anh Nguyễn Tuấn A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với Anh Nguyễn Tuấn A.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là Nguyễn K, sinh ngày 07/10/2016, cho Chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Tuấn A có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho Anh Nguyễn Tuấn A do Chị L không yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp, biên lai số 0000005 ngày 01/10/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên

Chị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Tuấn A được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã V.H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Phương